|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/QĐ- UBND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2021* |

**(Dự thảo 2)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất**

**vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trên**

**địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ ……………../…… ngày ….. tháng …..năm ……. của Chính phủ về ……………………..;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số …/TTr- SNN ngày .. tháng .. năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025.

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Bộ NN và PTNT; - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;  - Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT; - Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh; - UBMTTQ Việt Nam tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; - CT và các PCT UBND tỉnh; - Sở Tư pháp; Báo QT, Đài PTTH QT; - Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh; - Lãnh đạo VP, CV; - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Võ Văn Hưng** |

**QUY ĐỊNH**

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT VỐN VAY

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2022- 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ………./2021/QĐ- UBND*

*ngày… tháng …. năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các tổ chức, cá nhân vay vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp và chuyển đổi sinh kế vùng nội thành, nội thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác*;* Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và Doanh nghiệp vay vốn đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện tại 101 xã thuộc chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Cá nhân, hộ gia đình, các cơ sở chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị thực hiện theo Nghị quyết về cấm chăn nuôi trong nội thành, nội thị của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị[[1]](#footnote-1).

3. Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay gồm: Các chi nhánh Ngân hàng thương mại, Quỹ tín dụng nhân dân[[2]](#footnote-2) *(gọi là ngân hàng cho vay).*

4. Doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng theo Nghị định 57/2018/NĐ- CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ thì không được hỗ trợ theo Quy định này và ngược lại.

*(Sau đây gọi chung là Khách hàng vay)*

**Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ lãi suất**

**1. Nguyên tắc**

a) Cho vay phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, trồng rừng gỗ lớn FSC, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ, định hướng xây dựng và phát triển thành sản phẩm OCOP.

b) Việc hỗ trợ lãi suất chỉ áp dụng cho các dự án cho vay mới thỏa mãn điều kiện cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng cho vay theo cơ chế tín dụng thông thường.

c) Việc xét chọn dự án cho vay có hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ cơ sở, đảm bảo tính công khai dân chủ, minh bạch.

**2. Điều kiện hỗ trợ lãi suất**

a) Đúng đối tượng, nội dung, lĩnh vực hỗ trợ theo quy định tại Điều 2, 4 của Quy định này.

b) Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với tổ chức tín dụng.

c) Các dự án, phương án đầu tư sản xuất kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) thẩm định dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có mức vốn vay đến 1,0 tỷ đồng;

+ Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện) thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mức vốn vay trên 1,0 tỷ đồng. Đối với các dự án có mức vay lớn và liên quan đến sự phát triển của vùng, ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành chuyên môn liên quan trước khi phê duyệt;

d) Thực hiện đầy đủ trình tự, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

**Chương II**

**CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Các lĩnh vực cho vay**

1. Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dược liệu; các cơ sở giết mổ gia súc tập trung; hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sơ chế, chế biến nông sản; sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cho vay phát triển kinh tế trang trại[[3]](#footnote-3); xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa có liên kết theo mô hình cánh đồng lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ, định hướng xây dựng và phát triển thành sản phẩm OCOP,… (gọi chung là cho vay phát triển sản xuất nông nghiệp). Trong đó, ưu tiên hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất đối với các nhóm sản phẩm, cụ thể như sau.

a) Sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia[[4]](#footnote-4), bao gồm: Gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ.

b) Một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có thế mạnh của tỉnh: Cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu, lúa chất lượng cao, lúa canh tác tự nhiên, hữu cơ, trồng rừng gỗ lớn FSC, bò, tôm, lợn.

2. Các sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận OCOP trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với các nội dung cho vay

a) Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

b) Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

c) Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

d) Đầu tư trung tâm, điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

đ) Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển, kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch văn hóa trên địa bàn nông thôn.

3. Cho vay hỗ trợ chuyển đổi sinh kế đối với các cá nhân, hộ gia đình, cơ sở chăn nuôi không được phép nuôi trong khu vực nội thành, nội thị theo Nghị quyết số: /2021/NQ- HĐND ngày..…tháng…..năm 2021 về……. không được phép chăn nuôi…… của HĐND tỉnh Quảng Trị năm 2021.

**Điều 5. Mức hỗ trợ lãi suất, định mức cho vay tối đa và thời hạn cho vay**

1. **Mức hỗ trợ lãi suất**

- Ngân sách nhà nước hỗ **trợ 60%** số tiền lãi cho khách hàng vay trong suốt thời hạn cho vay đối với khoản cho vay ngắn hạn;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ **60% lãi suất đối với 02 năm đầu**, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ **40% lãi suất** cho các khách hàng vay vốn tại các ngân hàng cho vay đối với khoản vay trung, dài hạn.[[5]](#footnote-5)

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ **50% lãi suất đối với 02 năm đầu**, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ **30% lãi suất cho** Doanh nghiệp vay vốn tại các ngân hàng thương mại đối với khoản vay trung, dài hạn.

**2. Định mức vốn vay và thời gian hỗ trợ lãi suất**

a) Định mức vốn vay

Căn cứ vào các phương án, dự án sản xuất, kinh doanh khác nhau, mỗi tổ chức, cá nhân được vay vốn theo các định mức khác nhau. Hạn mức vay vốn tối thiểu là **50** triệu đồng *(năm mươi triệu đồng*) và tối đa không quá **2,0** tỷ đồng/dự án *(hai tỷ đồng/dự án).*

Riêng Doanh nghiệp vay vốn để đầu tư liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hoặc đầu tư mua sắm máy móc, hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế chế biến sản phẩm nông nghiệp thì định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất không quá **20 tỷ đồng/dự án, mỗi năm không quá 03 dự án**.

b) Thời gian cho vay

Thời gian vay vốn được hỗ trợ lãi suất là các khoản vay trong hạn (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) bằng đồng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết 31/12/2025.

**Điều 6. Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất**

**1. Hồ sơ vay vốn**

a) Dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng vay được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại điểm c, khoản 2, Điều 3 quy định này. Thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Các loại giấy tờ, thủ tục vay vốn của ngân hàng cho vay theo quy định. Hợp đồng tín dụng này được Ngân hàng cho vay đóng dấu *“Cho vay hỗ trợ lãi suất”.*

**2. Trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất**

Sau khi Ngân hàng cho vay và Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã; UBND cấp xã thẩm định hồ sơ vay vốn về phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng vay, việc chi trả tiền hỗ trợ lãi suất được thực hiện theo trình tự cụ thể như sau:

*Bước 1*: Những món vay hỗ trợ lãi suất khi đến kỳ hạn thu lãi, ngân hàng cho vay thu toàn bộ (100%) số tiền lãi vay từ khách hàng theo quy trình tín dụng, đồng thời ngân hàng cho vay lập 03 bản Giấy xác nhận số tiền lãi được hỗ trợ (*theo mẫu 02/HTLS*), có chữ ký của ngân hàng và khách hàng vay (một bản ngân hàng cho vay giữ, một bản khách hàng vay giữ và một bản kèm danh sách chi tiết số tiền đề nghị hỗ trợ lãi suất gửi UBND cấp xã. Giấy xác nhận này được lập từng lần khi khách hàng trả lãi cho ngân hàng.

*Bước 2*: Định kỳ hàng quý, ngân hàng cho vay lập danh sách chi tiết số lãi đã thu của khách hàng vay và số tiền lãi đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu 03/HTLS*) kèm theo Giấy xác nhận số tiền lãi được hỗ trợ gửi UBND cấp xã.

*Bước 3*: UBND cấp xã kiểm tra, ký xác nhận vào danh sách, sau đó chuyển Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (sau 05 ngày nhận hồ sơ hợp pháp).

*Bước 4*: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã) kiểm tra, lập hồ sơ chuyển Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố, thị xã đề nghị chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất (sau 05 ngày nhận hồ sơ hợp pháp).

*Bước 5*: Kho Bạc Nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố chuyển tiền hỗ trợ lãi suất qua UBND cấp xã (để thực hiện chi trả cho khách hàng vay).

*Bước 6*: Khách hàng vay vốn nhận tiền hỗ trợ lãi suất tại UBND xã, phường, thị trấn hoặc có thể nhận tiền qua tài khoản cá nhân.

**Điều 7. Chế độ báo cáo**

Định kỳ 6 tháng, hàng năm; Ban chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các huyện, thành phố, thị xã; Ngân hàng Nhà nước báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển (qua Chi cục Phát triển nông thôn theo *mẫu 04/HTLS, 05/HTLS và 06/HTLS)* để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân dân và Ban chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

**Điều 8. Xử lý vi phạm và rủi ro**

1.Trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì ngân hàng cho vay tiến hành thông báo bằng văn bản cho các đơn vị liên quan về việc không hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay vi phạm và xử lý khoản vay theo quy chế cho vay hiện hành.

2.Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh dẫn đến chưa trả được nợ theo kỳ hạn, khách hàng có đơn xin được hỗ trợ lãi suất trong thời gian đó gửi ngân hàng cho vay và UBND cấp huyện để được xử lý theo quy định. Thời gian hỗ trợ lãi suất cho khoản nợ đã được gia hạn không quá 06 tháng.

**Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện**

Trích một phần từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm cả ngân sách địa phương và ngân sách trung trương) để thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cho vay.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10.Trách nhiệm của các bên liên quan**

1. **Khách hàng vay vốn**

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho Nhà nước số tiền lãi đã được hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

**2. Ngân hàng cho vay**

a) Hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục cho khách hàng vay vốn, đảm bảo việc cho vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng. Chủ trì thẩm định các yếu tố cho vay theo quy định.

b) Công bố công khai lãi suất cho vay áp dụng cho các đối tượng được vay hỗ trợ lãi suất theo quy định này.

c) Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để bảo đảm việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật và tính hiệu quả đối với các khách hàng vay vốn.

d) Thực hiện sao, lưu chứng từ, các báo cáo chi tiết theo từng khoản hỗ trợ lãi suất đảm bảo tính chính xác, minh bạch rõ ràng để tạo điều kiện cho công tác thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất theo quy định này.

đ) Nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất thì lập thủ tục thông báo cho ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý dừng hỗ trợ hoặc thu hồi nếu đã hỗ trợ.

e) Tổ chức việc theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc báo cáo Ban chỉ đạo chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, ngân hàng cấp trên và việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

**3. Sở Tài chính**

a) Chủ trì hướng dẫn, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ lãi suất thuộc ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp cho Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các địa phương.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan, tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu bố trí nguồn ngân sách địa phươngđể hỗ trợ lãi suất cho người dân trong nội thành, nội thị khi thực hiện chuyển đổi sinh kế.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới hàng năm để thực hiện chính sách này đồng thời lồng ghép, điều chỉnh kế hoạch nguồn Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của Trung ương đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ lãi suất theo quy định.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan, tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và công tác hỗ trợ lãi suất.

**5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương xây dựng gói tín dụng cụ thể cần hỗ trợ hàng năm *(trước tháng 10 hàng năm)* trình ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Chủ trì chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con nuôi; ứng dụng có hiệu quả tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ trong nông nghiệp.

c) Kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, đề xuất ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

d) Phối hợp với các địa phương thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay trên toàn tỉnh.

đ) Tổng hợp báo cáo việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất, kết quả hỗ trợ lãi suất của các địa phương báo cáo Ban Chỉ đạo chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh định kỳ 6 tháng, năm.

**6. Ngân hàng nhà nước chi nhánh Quảng Trị:**

a) Chỉ đạo và hướng dẫn các ngân hàng cho vay về quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

c) Tổng hợp kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất báo cáo định kỳ cho Ban chỉ đạo chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Phổ biến rộng rãi chủ trương hỗ trợ lãi suất đến tất cả các Ngân hàng cho vay để thực hiện.

**7. Kho bạc Nhà nước các cấp**

a) Hướng dẫn các thủ tục mở tài khoản, các hồ sơ chứng từ nhận tiền hỗ trợ từ Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách và quản lý nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Thực hiện việc kiểm soát chi hỗ trợ lãi suất đối với các địa phương theo đúng mục đích quy định. Có quyền từ chối các khoản chi không đúng mục đích hỗ trợ lãi suất.

c) Phối hợp với Ban chỉ đạo cấp huyện và ngân hàng cho vay xử lý các khoản tiền thu hồi từ khách hàng nếu phát hiện sử dụng vốn sai mục đích.

d) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Kho bạc Nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc chuyển tiền hỗ trợ lãi suất qua UBND xã, phường, thị trấn để thực hiện chi trả cho khách hàng vay**.**

**8.Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Thẩm định, phê duyệt danh sách các khách hàng vay vốn phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và có hiệu quả của cáckhách hàng vay vốn theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 quy định này.

b) Chủ động sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất vay theo dự toán hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Nếu không sử dụng hết sẽ hoàn trả ngân sách.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án của các khách hàng vay vốn, kịp thời phát hiện những trường hợp sử dụng vốn sai mục đích và kém hiệu quả để Ngân hàng cho vay sớm có biện pháp giải quyết đồng thời và báo cáo kết quả thực hiện lên ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Trong quá trình thực hiện nếu trường hợp phát sinh nợ xấu của khách hàng vay vốn, ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các đơn vị có liên quan tích cực vào cuộc cùng với Ngân hàng cho vay để có các giải pháp tháo gỡ kịp thời.

**9. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (Phòng Kinh tế thành phố, thị xã), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện**

b) Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn ngân sách để hỗ trợ lãi suất theo quy định.

c) Phối hợp với tổ chức tín dụng trong việc kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn vay của khách hàng khi có yêu cầu.

d) Kịp thời phát hiện việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích của khách hàng, báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý.

đ) Tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất của các địa phương, báo cáo ủy ban nhân dân, Ban chỉ đạo cấp huyện theo định kỳ 6 tháng, năm.

**10. Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh của các đối tượng vay vốn theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 quy định này.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã xác nhận vào giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay theo quy định tại Khoản 1, Điều 6.

c) Phối hợp với tổ chức tín dụng trong việc kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn vay của khách hàng khi có yêu cầu.

d) Kịp thời phát hiện việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích của khách hàng, báo cáo ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý.

đ) Thực hiện nhận tiền từ Kho bạc Nhà nước và chi trả phần lãi được hỗ trợ cho khách hàng vay vào một ngày cố định làm việc trong tháng, quý.

**11. Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh**

Phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất khi cần thiết.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11.**Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng nhà nước tỉnh, Văn phòng Điều phối chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các Sở, ngành hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện quy định này. Định kỳ báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, ủy ban nhân dân các cấp kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung sửa đổi cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN TRÌNH DỰ THẢO  SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢNG TRỊ  **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Trần Thanh Hiền** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Võ Văn Hưng** |

***Mẫu: 01/HTLS***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng*

*năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Kính gửi: (tên TCTD cho vay)...................................................................

Tên khách hàng vay (tổ chức, cá nhân):.....................................................

Địa chỉ:.......................................................................................................

Điện thoại:..............................................Emai:...........................................

Tên người đại diện.....................Chức vụ:..................................................

Tên dự án:…………………………………………………………………

Mục đích của dự án:……………………………………………………...

Quy mô dự án:…………………………………………………………….

Địa điểm thực hiện:………………………………………………………

Thời gian thực hiện :……………………………………………………..

Căn cứ Quyết định số …../2021/QĐ-UBND ngày …./…/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025.

Chúng tôi đề nghị: Ngân hàng ……………. cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định đối với các khoản vay mới để……………………………………….

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay và hỗ trợ lãi suất của TCTD, của UBND tỉnh và các cam kết trong hợp đồng tín dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất, hoàn trả ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất; nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng được hỗ trợ lãi suất đã ghi trong Hợp đồng tín dụng, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*............., ngày...tháng....năm 202...*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ [[6]](#footnote-6)**  *(Ký tên và đóng dấu)* | **KHÁCH HÀNG VAY**  (*Ký tên và đóng dấu nếu có*) |

Ghi chú: - Khách hàng lập khi phát sinh vay lần đầu cho từng đối tượng cụ thể theo quy định tại Điều 2, Quyết định số /2021/QĐ-UBND. Khách hàng vay nhiều lần cho 01 đối tượng thì chỉ phải lập 01 giấy đề nghị khi vay món đầu tiên.Mỗi lần phát sinh vay đối tượng mới thì khách hàng phải lập giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất có xác nhận của UBND cấp xã.

***Mẫu: 02/HTLS***

**TÊN TCTD CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số.........../GXN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN SỐ TIỀN LÃI ĐƯỢC HỖ TRỢ**

*( Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Tên khách hàng vay vốn:......................................................................

Người đại diện:.....................................................................................

Địa chỉ:..................................................................................................

Ngân hàng và khách hàng xác nhận số lãi tiền vay Khách hàng được hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mớitheoQuyết định số …../2021/QĐ-UBND ngày …./…/2021của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025, như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số khế ước vay hoặc HĐTD/ ngày phát sinh món vay** | **Dư nợ khoản vay được hỗ trợ lãi suất đến ngày thu lãi** | **Mức lãi suất được hỗ trợ**  **(%/năm)** | **Thời hạn được hỗ trợ lãi suất của món vay** | **Tổng số tiền lãi theo HĐTD mà TCTD đã thu của khách hàng** | **Tổng số tiền lãi khách hàng được hỗ trợ từ nguồn XDNTM** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |

Tổng số tiền lãi phải/được hỗ trợ chi khách hàng (dòng tổng cộng , cột 7).......

Bằng chữ:............................................................................................................

Hai bên xác nhận, số tiền lãi được hỗ trợ nêu trên để khách hàng làm cơ sở nhận tiền từ Phòng NN &PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã và khách hàng xác định và chi trả tiền hỗ trợ lãi suất.

Giấy xác nhận được lập 03 bản: Khách hàng giữ 01 bản; TCTD giữ 01 bản và gửi Phòng NN &PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã01 bản (TCTD gửi kèm danh sách chi tiết số tiền lãi đã thu của khách hàng theo mẫu 03/NTM cho Phòng NN &PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã).

Ngày ...tháng...năm 202....

**Khách hàng ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG CHO VAY**

*(Ký, đóng dấu/nếu có)* **Lập biểu Kiểm soát Giám đốc**

*(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

***Mẫu : 03/HTLS***

**TÊN TCTD CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số.........../GXN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH CHI TIẾT SỐ TIỀN LÃI ĐÃ THU CỦA KHÁCH HÀNG**

**QUÝ.......NĂM 201......**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND*

*ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Kính gửi: Phòng ……………………….

Ngân hàng đã thu lãi tiền vay của khách hàng thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số …../2021/QĐ-UBND ngày …./…/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 như sau: (Kèm theo Giấy xác nhận theo Mẫu 02/HTLS)

ĐVT: đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất** | **Địa chỉ** | **Giấy xác nhận: Số/ ngày ( theo mẫu 02/NTM)** | **Tổng số tiền lãi theo HĐTD mà TCTD đã thu của khách hàng** | **Trong đó:**  **Tổng số tiền lãi khách được hỗ trợ từ ngân sách** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**Số tiền bằng chữ:.........................................................**

*Ngày.....tháng...năm 20......*

**Trưởng phòng Kế toán Giám đốc TCTD cho vay.............**

*(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

- Danh sách lập 02 bản, 01 bản gửiUBND xã, phường, thị trấn, 01 bản TCTD lưu.

- Một khách hàng có nhiều giấy xác nhận (mẫu 02/HTLS) thì mỗi Giấy xác nhận được ghi một cột ở dòng cột 4, 5, 6 ( Cột 1, 2, 3 chỉ ghi dòng cho 1 khách hàng)

- Kèm theo danh sách này là các giấy xác nhận tương ứng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị** | | |  |  |  |  |  | ***Mẫu: 04/HTLS*** | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **BÁO CÁO CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA** | | | | | | | | | |
| **XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QĐ SỐ ……………** | | | | | | | | | |
| **Quý … năm ……**  *(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)* | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  | *ĐVT: Triệu đồng, khách hàng.* | | | |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Doanh số cho vay** | | **Dư nợ** | **Trong đó: Nợ xấu** | **Số khách hàng còn dư nợ** | | | |
| **Trong kỳ  báo cáo** | **Lũy kế từ đầu chương trình** | **Hộ gia đình,  cá nhân** | **Hợp tác  xã** | **Tổ hợp tác** | **Chủ trang trại** |
| **I** | **Phân theo các Tổ chức tín dụng** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Ngân hàng Ngoại thương |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Ngân hàng Công thương |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Ngân hàng Chính sách xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…..** | **…..** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Phân theo địa bàn** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thành phố Đông Hà |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Huyện Vĩnh Linh |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Huyện Gio Linh |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Huyện Triệu Phong |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Thị xã Quảng Trị |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Huyện Hải Lăng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Huyện Cam Lộ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Huyện ĐaKrông |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | *Quảng Trị, ngày ... tháng ... năm 202…* | | | | |
|  | **Lập biểu** |  |  | **Kiểm soát** | | |  | **Giám đốc** | |

***Mẫu 05/HTLS***

**UBND HUYỆN, THỊ XÃ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | |  | | --- | | **BÁO CÁO CHO VAY HỔ TRỢ LÃI SUẤT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QĐ …../202…./QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH QUẢNG TRỊ** | | | | | | | | | |
|  | | | **Qúy….năm**  *(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)* | | | | | | | | |
|  | |  | | |
|  |  | | |  | |  |  |  |  |  | *Đvt: triệu đồng* |
| **Stt** | **Đơn vị** | | | **Số tiền được  phân bổ năm …** | | **Doanh số cho vay** | **Tổng số tiền đã giải ngân đến tháng 6 (hoặc tháng12)** | **Số tiền còn lại chưa giải ngân** | **Đã trả lại cho ngân sách NN[[7]](#footnote-7)** | **Chưa trả lại cho ngân sách NN** | **Giữ lại để thực hiện trong năm tiếp theo** |
|  |  | | | *a* | | *b* | *c* | *d* | *e* | *g* | *h* |
| 1 | **Triệu Phong** | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Hải Lăng** | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Vĩnh Linh** | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Gio Linh** | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Cam Lộ** | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 6 | **Hướng Hóa** | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 7 | **Thị xã Quảng Trị** | | |  | |  |  |  |  |  |  |

**Người lập báo cáo Trưởng phòng NN/Phòng KT**

1. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang dự thảo về Nghị quyết về cấm chăn nuôi trong nội thành, nội thị. Do đó, ở phần phạm vi và đối tượng thực hiện sẽ bổ sung theo Nghị quyết này sau khi được ban hành. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khuyến khích mở rộng phạm vi vay vốn của khách hàng trong và ngoài tỉnh [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng cho vay các hoạt động sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Thông tư số 37/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia [↑](#footnote-ref-4)
5. Sau 4 năm thực hiện chính sách, phần lớn người dân đồng tỉnh với mức hỗ trợ như phưng án 1. Tuy nhiên, Sở Nông ngiệp và PTNT nhận thấy sau ảnh hưởng của các trận lũ lụt, hạn hán và dịch bệnh người dân rất khó khăn nên đề xuất tăng mức hỗ trợ tại phương án 2. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trường hợp dự án vay trên 1,0 tỷ đồng thì UBND cấp xã hướng dẫn cho người dân đến Phòng Nông nghiệp và PTNT cấp huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã để hướng dẫn phê duyệt dự án.... quy định tại Quyết định số …../2021/QĐ- UBND. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với các cột “e, g, h” phục vụ cho báo cáo năm [↑](#footnote-ref-7)